TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2020/QĐST-KDTM	*Phú Hòa, ngày 15 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 03/2020/TLST-KDTM ngày 22 tháng 5 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: 02 Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

Người đại diện: Ông Lê Văn T – Chức vụ Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn T: Bà Dương Thị Tú H – Trưởng Phòng Khách hàng Doanh nghiệp Agribank chi nhánh tỉnh Phú Yên và bà Trần Ngọc D – Chức vụ: Cán bộ pháp chế Agribank chi nhánh tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ: X, Phường N, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại và Vận tải ĐM.

Địa chỉ trụ sở chính: Kho 1, Đội 1, thôn PN, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ liên hệ: Thôn NP1, xã BN, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện: Ông Nguyễn Như T, sinh năm 1957, chức vụ: Giám đốc.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Vợ chồng Ông Lê Văn P, sinh năm 1945, bà Trần Thị Minh T, sinh năm 1944, địa chỉ: Thôn NP 1, xã BN, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại và Vận tải ĐM (sau đây gọi tắt là Công ty ĐM) phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) tổng số tiền nợ là 3.777.009.095đ *(ba tỷ, bảy trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm lẻ chín nghìn, không trăm chín mươi lăm đồng)* trong đó nợ gốc là 3.170.000.000đ *(ba tỷ, một trăm bảy mươi triệu*

đồng), nợ lãi trong hạn là 447.240.986đ *(bốn trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng)* và nợ lãi quá hạn là 159.768.109 *(một trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, một trăm lẻ chín đồng)* tính đến ngày 22/6/2020 theo Hợp đồng tín dụng số 4600-LAV-2018 01549 ngày 22/5/2018 Công ty ĐM đã ký với Ngân hàng.

Phương thức trả nợ:

+ Từ tháng 08/2020 đến tháng 12/2020 mỗi tháng Công ty ĐM phải trả cho Ngân hàng 50.000.000đ *(năm mươi triệu đồng)* nợ gốc và lãi phát sinh tính đến thời điểm trả nợ theo hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa thuận.

+ Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/3/2021: Công ty ĐM phải trả cho Ngân hàng 500.000.000đ *(năm trăm triệu đồng)* nợ gốc và lãi phát sinh tính đến thời điểm trả nợ theo hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa thuận.

+ Từ ngày 01/4/2021 đến ngày 30/6/2021: Công ty ĐM phải trả cho Ngân hàng 600.000.000đ *(sáu trăm triệu đồng)* nợ gốc và lãi phát sinh tính đến thời điểm trả nợ theo hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa thuận.

+ Từ ngày 01/7/2021 đến ngày 31/9/2021: Công ty ĐM phải trả cho Ngân hàng 700.000.000đ *(bảy trăm triệu đồng)* nợ gốc và lãi phát sinh tính đến thời điểm trả nợ theo hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa thuận.

+ Từ ngày 01/10/2021 đến ngày 31/12/2021: Công ty ĐM phải trả cho Ngân hàng 1.120.000.000đ *(một tỷ một trăm hai mươi triệu đồng)* nợ gốc và lãi phát sinh tính đến thời điểm trả nợ theo hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa thuận.

Trường hợp Công ty ĐM không thực hiện đúng cam kết trả nợ theo như phương thức và thời hạn trả nợ nêu trên, dù Công ty ĐM vi phạm nghĩa vụ trả nợ ở bất cứ kỳ hạn trả nợ nào thì đã vi phạm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, khi đó Ngân hàng có quyền phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi tất cả các khoản nợ nêu trên gồm:

+ Quyền sử dụng diện tích đất 90m2 thuộc số thửa 22, tờ bản đồ 303-B và tài sản gắn liền với đất là nhà ở cấp 3 diện tích xây dựng 81,12m2, diện tích sàn 243,36m2, tọa lạc đường MTB, xã BN, TP. TH, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ824042, số vào sổ cấp GCN CH00543 được UBND TP. TH cấp cho ông Lê Văn P, bà Trần Thị Minh T ngày 09/7/2014 (Theo Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất của bên thứ 3 số 04/11/HĐBL-ĐM ngày 18/4/2011 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 07/2014/PL-ĐM ngày 17/7/2014 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 05/2018/PL-ĐM ngày 21/5/2018 Công ty ĐM đã ký với Ngân hàng).

+ Quyền sử dụng diện tích đất 110m2 thuộc số thửa 92, tờ bản đồ 303B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL594895, số vào sổ cấp GCN H00132 được UBND TP. TH cấp cho ông Lê Văn P, bà Trần Thị Minh T ngày 19/3/2009, tọa lạc thôn NP 1, xã BN, TP. TH, tỉnh Phú Yên (theo Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất) số 07/2013/HĐTCTSBT3-ĐM ngày 01/7/2013 và phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác

số 05/2018/PL-P ngày 21/5/2018 Công ty ĐM đã ký với Ngân hàng).

+ Xe ô tô biển số 78A-00638 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001321 được Công an tỉnh Phú Yên cấp cho Công ty ĐM ngày 20/11/2012 (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 11/2012/HĐTC/ĐM ngày 27/11/2012 và Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2018/PLHĐ-ĐM2 ngày 21/5/2018 Công ty ĐM đã ký với Ngân hàng);.

+ Các tài sản có tên "Dây chuyền, thiết bị sản xuất phân bón năng xuất 5-7 tấn/h" đặt tại thôn PN, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/HĐTC-DM/MMTB ngày 03/01/2014 và Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2018/PLHĐ-ĐM3 ngày 21/5/2018 Công ty ĐM đã ký với Ngân hàng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 22/6/2020 Công ty ĐM còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo như mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà Công ty ĐM phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại và Vận tải ĐM phải chịu 53.770.000đ *(năm mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 56.017.000đ *(năm mươi sáu triệu không trăm mười bảy nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000268 ngày 22/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Phú Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện PH;
- Chi cục THADS huyện PH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

(Đã ký)

Trần Minh Nhật